

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Hà Nội, tháng 8 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Á Phi	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Thu	Ủy viên
Ông Dương Văn Cơ	Ủy viên(bổ nhiệm ngày 28/4/2010)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên(miễn nhiệm ngày 28/4/2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Á Phi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2010

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần thuyết minh báo cáo tài chính, trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, Công ty đã ghi nhận phần lãi công nợ phải thu vượt định mức đối với các công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn vào khoản mục “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” với số tiền là 2.607.733.046 VND.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1286/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/6/2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		473.356.840.880	419.380.786.770
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.933.671.752	26.547.503.440
1. Tiền	111		29.933.671.752	14.547.503.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	12.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		311.418.898.922	279.118.801.803
1. Phải thu khách hàng	131		142.915.795.690	159.781.059.324
2. Trả trước cho người bán	132		4.069.798.405	1.696.699.149
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5	158.570.181.326	114.676.874.479
4. Các khoản phải thu khác	135		12.745.737.061	7.883.605.461
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.882.613.560)	(4.919.436.610)
III. Hàng tồn kho	140	6	124.608.195.421	103.317.450.003
1. Hàng tồn kho	141		124.608.195.421	103.317.450.003
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.396.074.785	10.397.031.524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.243.283.299	1.198.328.095
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.928.821.142	8.115.186.089
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.780.191	329.198.027
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		192.190.153	754.319.313
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		469.768.558.742	456.408.805.298
I. Tài sản cố định	220		222.732.460.423	225.298.106.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	171.529.842.853	175.317.909.804
- Nguyên giá	222		227.931.551.997	224.739.041.366
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.401.709.144)	(49.421.131.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	14.857.478.621	13.669.816.737
- Nguyên giá	228		16.992.295.838	15.203.901.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.134.817.217)	(1.534.085.047)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	36.345.138.949	36.310.380.382
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		150.398.955.979	143.184.057.749
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	121.987.708.826	121.987.708.826
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	25.377.064.426	20.377.064.426
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	6.769.915.727	5.974.643.397
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.735.733.000)	(5.155.358.900)
III. Tài sản dài hạn khác	260		96.637.142.340	87.926.640.626
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	96.099.642.340	87.389.140.626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		537.500.000	537.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		943.125.399.622	875.789.592.068

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30/6/2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		414.625.479.548	337.147.529.213
I. Nợ ngắn hạn	310		363.195.478.262	287.481.628.112
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	128.893.762.711	74.231.394.292
2. Phải trả người bán	312		172.479.578.715	165.641.433.695
3. Người mua trả tiền trước	313		2.827.096.822	4.362.009.243
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.482.095.876	16.936.224.342
5. Phải trả người lao động	315		11.372.482.045	17.581.662.114
6. Chi phí phải trả	316		1.866.236.014	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	41.365.933.508	8.564.734.308
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.908.292.571	164.170.118
II. Nợ dài hạn	330		51.430.001.286	49.665.901.101
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	51.205.060.948	49.398.221.368
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		224.940.338	267.679.733
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		528.499.920.074	538.642.062.855
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	528.499.920.074	538.642.062.855
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		264.998.230.000	264.998.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		129.164.270.000	129.164.270.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		99.502.636.970	92.918.876.291
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.257.000.000	8.257.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.627.483.104	43.353.386.564
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		943.125.399.622	875.789.592.068

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.121.166.164.666	662.475.218.097
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		268.593.102	359.169.665
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	19	1.120.897.571.564	662.116.048.432
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	1.034.917.690.308	590.333.982.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		85.979.881.256	71.782.065.899
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	19.772.354.748	22.026.589.299
7. Chi phí tài chính	22	22	9.109.459.821	2.006.115.612
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>5.353.466.180</i>	<i>2.223.329.171</i>
8. Chi phí bán hàng	24		63.922.443.808	47.250.471.232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.726.846.113	9.872.846.111
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		24.993.486.262	34.679.222.243
11. Thu nhập khác	31	23	3.630.558.500	35.163.850
12. Chi phí khác	32	24	3.054.795.374	525.233.446
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		575.763.126	(490.069.596)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40)	60		25.569.249.388	34.189.152.647
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	25	941.770.025	1.876.741.936
16. Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		24.627.479.363	32.312.410.711

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.569.249.388	34.189.152.647
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.600.915.014	7.634.193.785
Các khoản dự phòng	03	543.551.050	(18.753.660.050)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	972.455.292	3.319.302.445
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.540.096.177)	(1.823.171.628)
Chi phí lãi vay	06	5.353.466.180	2.223.329.171
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.499.540.747	26.789.146.370
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(41.880.586.608)	42.734.478.443
(Tăng) hàng tồn kho	10	(21.290.745.418)	(58.708.031.441)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(8.525.535.468)	109.019.152.172
(Tăng)chi phí trả trước	12	(8.710.501.714)	(13.778.502.208)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.353.466.180)	(2.223.329.171)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(507.265.386)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.624.302.021)	(1.617.656.926)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(54.392.862.048)	102.215.257.239
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.336.407.833)	(78.211.614.577)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.286.964.319	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	19.434.407.039
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.172.540.455	874.495.641
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.123.096.941	(57.902.711.897)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	457.404.582.246	147.624.325.530
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(402.742.213.827)	(187.917.629.970)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(6.435.000)	-
			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	54.655.933.419	(40.293.304.440)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	3.386.168.312	4.019.240.902
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	26.547.503.440	42.514.351.327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ (70=60+61)	70	29.933.671.752	46.533.592.229

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (“Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01/01/2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21/5/2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003549, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31/12/2009 với số vốn điều lệ là 264.998.230.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24/11/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Mẹ của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,36% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas..

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2010 là 1.019 người (tại ngày 31/12/2009 là 890 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty với báo cáo tài chính của Chi nhánh Gas Petrolimex Hà Nội và thực hiện bù trừ các khoản mục công nợ phải thu, phải trả và doanh thu, giá vốn nội bộ giữa hai đơn vị này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt chạy thử (nếu áp dụng). Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc “ Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> <u>(năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) tại ngày trích lập dự phòng; hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC) hoặc Upcom, giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Giá trị vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 15 năm theo Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21/06/2005 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được (Tiếp theo)

Từ ngày 01/7/2009, Công ty áp dụng Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 của Bộ Tài chính để xác định giá trị phân bổ chi phí vỏ bình gas; theo đó, thời gian phân bổ đối với các vỏ bình gas loại có giá trị dưới 10 triệu VND/vỏ được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm. Trường hợp các vỏ bình gas đã tiến hành phân bổ giá trị theo hướng dẫn tại Công văn số 7640 TC/TCT ngày 21/06/2005 của Bộ Tài chính thì doanh nghiệp không thực hiện điều chỉnh lại.

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chuyển đổi ngoại tệ

Ngày 15/10/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc kỳ kế toán không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 sẽ tăng lên 972.455.292 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30/6/2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2010.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chuyển đổi ngoại tệ (Tiếp theo)

Được sự chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CDKT ngày 20/02/2009, Tổng Công ty Xăng dầu Petrolimex đã ban hành Quyết định số 256/XD-HDQT ngày 04/5/2009 về việc ban hành "Chế độ hạch toán tỷ giá hối đoái". Công ty đã áp dụng hướng dẫn trên của Tổng Công ty. Theo đó, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày này thay vì tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng hai năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (2004 và 2005) và giảm 50% cho ba năm tiếp theo (từ 2006 đến 2008).

Công ty bắt đầu niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006. Theo quy định tại Công văn số 10997 CV/BTC-CST ngày 18/9/2006 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm (2009 và 2010) tính từ khi kết thúc thời hạn được miễn, giảm thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	3.712.570.203	4.839.339.405
Tiền gửi ngân hàng	26.221.101.549	9.708.164.035
Các khoản tương đương tiền(*)	-	12.000.000.000
	29.933.671.752	26.547.503.440

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ)		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i>	<i>32.792.747.008</i>	<i>22.991.002.273</i>
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i>	<i>38.195.582.371</i>	<i>31.528.935.060</i>
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i>	<i>63.371.722.094</i>	<i>39.289.712.225</i>
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i>	<i>24.210.129.853</i>	<i>20.867.224.921</i>
	158.570.181.326	114.676.874.479

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	12.238.235.711	19.925.210.571
Nguyên liệu, vật liệu	5.398.398.393	4.368.094.980
Công cụ, dụng cụ	-	932.746.709
Thành phẩm	-	62.478.000
Hàng hóa	106.971.561.317	78.028.919.743
	124.608.195.421	103.317.450.003
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	124.608.195.421	103.317.450.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	175.888.368.873	29.596.531.804	17.975.436.591	1.278.704.098	224.739.041.366
Mua sắm mới	-	737.555.870	290.551.905	26.230.000	1.054.337.775
XDCB hoàn thành	4.439.872.437	19.045.000	-	-	4.458.917.437
Thanh lý	1.441.242.249	879.502.332	-	-	2.320.744.581
Tại ngày 30/6/2010	178.886.999.061	29.473.630.342	18.265.988.496	1.304.934.098	227.931.551.997
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	22.636.423.369	16.070.308.150	9.934.499.677	779.900.366	49.421.131.562
Khấu hao trong kỳ	5.692.655.488	1.454.255.172	777.412.599	71.888.673	7.996.211.932
Thanh lý	423.244.284	592.390.066	-	-	1.015.634.350
Tại ngày 30/6/2010	27.905.834.573	16.932.173.256	10.711.912.276	851.789.039	56.401.709.144
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2010	150.981.164.488	12.541.457.086	7.554.076.220	453.145.059	171.529.842.853
Tại ngày 31/12/2009	153.251.945.504	13.526.223.654	8.040.936.914	498.803.732	175.317.909.804

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2010 là 18.398.721.671 VND (tại ngày 31/12/2009 là 18.432.680.933 VND).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất(*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	13.958.942.522	1.244.959.262	15.203.901.784
Tăng do mua sắm	-	1.832.525.636	1.832.525.636
Thanh lý, nhượng bán	(44.131.582)	-	(44.131.582)
Tại ngày 30/06/2010	13.914.810.940	3.077.484.898	16.992.295.838
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	1.294.959.145	239.125.902	1.534.085.047
Trích khấu hao trong kỳ	270.744	604.432.338	604.703.082
Thanh lý, nhượng bán	(3.970.912)	-	(3.970.912)
Tại ngày 30/06/2010	1.291.258.977	843.558.240	2.134.817.217
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2010	12.623.551.963	2.233.926.658	14.857.478.621
Tại ngày 31/12/2009	12.663.983.377	1.005.833.360	13.669.816.737

(*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định. Công ty chưa thực hiện phân bổ khấu hao cho giá trị quyền sử dụng đất này do dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên lô đất này đang trong giai đoạn xây dựng dở dang và chưa đi vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công trình mở rộng kho gas Đình Vũ (*)	-	(1.156.368.555)
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	13.953.378.745	10.018.821.546
Công trình kho gas Đình Vũ giai đoạn 2	-	4.035.174.070
Đầu tư mua Xe tải 8,6 tấn Hino	-	1.224.353.986
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn	19.808.000.000	19.808.000.000
Cải tạo trạm cấp gas Ninh Phúc- Ninh Bình	1.685.821.141	447.381.363
Công trình kho IPG Cảng dầu khí Chân Mây	239.186.242	-
Công trình kho Tân Á	222.027.268	-
Công trình kho Covi	322.805.644	-
Công trình khác	113.919.909	1.933.017.972
	36.345.138.949	36.310.380.382

(*) Tại ngày 31/12/2009, Công trình kho Đình Vũ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Công ty đã hạch toán tạm tăng tài sản cố định theo giá trị tạm quyết toán. Số dư công trình âm là do giá trị tạm tăng lớn hơn giá trị thực tế tổng hợp. Phần giá trị âm này Công ty chưa hạch toán vào giá trị công trình do nhà thầu chưa phát hành hóa đơn. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, Công ty đã căn cứ vào hóa đơn do nhà thầu phát hành để hạch toán xử lý phần giá trị ghi âm tại ngày 31/12/2009.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/6/2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas
Vốn đầu tư tại các Công ty con		30/06/2010	31/12/2009
		VND	VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng		11.487.708.826	11.487.708.826
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng		57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn		11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ		22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG		20.500.000.000	20.500.000.000
		121.987.708.826	121.987.708.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Tên công ty	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty TNHH Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (i)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (ii)	5.000.000.000	-
	25.377.064.426	20.377.064.426

(i) Thể hiện giá trị vốn góp vào Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn - Petrolimex với tỷ lệ vốn góp tương ứng với quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2010 là 23% (tại ngày 31/12/2009: 23%).

(ii) Khoản đầu tư được thực hiện theo Hợp đồng liên doanh số 01/HĐLD/PGC-PLC ngày 15/5/2010 giữa Công ty Cổ phần Gas Petrolimex và Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex. Tổng số vốn điều lệ để thành lập Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG là 10 tỷ VND; trong đó, Công ty Cổ phần Gas Petrolimex góp 5 tỷ VND (chiếm 50%) và Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex góp 5 tỷ đồng (chiếm 50%). Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01104754925 ngày 17/6/2010.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	2.610.000.000	2.610.000.000
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV	3.120.000.000	3.120.000.000
Khác (*)	1.039.915.727	244.643.397
	6.769.915.727	5.974.643.397
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.735.733.000)	(5.155.358.900)
	3.034.182.727	819.284.497

(*) Thể hiện giá trị còn lại của hợp đồng cho thuê hệ thống bồn gas, đã được xây dựng để cung cấp gas cho khách hàng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vỏ bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	22.812.818.977	64.223.051.484	353.270.165	87.389.140.626
Tăng trong kỳ	-	12.949.498.249	444.263.117	13.393.761.366
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(306.234.966)	(4.287.172.925)	(89.851.761)	(4.683.259.652)
Tại ngày 30/06/2010	22.506.584.011	72.885.376.808	707.681.521	96.099.642.340

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02/4/2047.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội	-	7.812.921.202
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam [1]	128.893.762.711	66.418.473.090
	128.893.762.711	74.231.394.292

[1] Khoản vay từ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cung cấp tín dụng số 100068/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 01/4/2010 với tổng hạn mức cấp tín dụng là 400 tỷ VND, trong đó: hạn mức cho vay là 180 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh miễn ký quỹ 100% là 50 tỷ VND và hạn mức phát hành thư tín dụng miễn ký quỹ 100% là 170 tỷ VND. Các lần rút vốn sẽ đảo hạn tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn, giải ngân bằng VND và USD. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2010 là 6.747.559,84 USD theo 8 khế ước nhận nợ, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm, lãi vay trả hàng tháng.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	828.376.218	16.223.309.396
Thuế xuất, nhập khẩu	55.529.423	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	592.432.102	31.074.231
Thuế thu nhập cá nhân	5.758.133	681.840.715
	1.482.095.876	16.936.224.342

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	3.714.266.738	-
Kinh phí công đoàn	1.410.207.255	950.732.909
Đoàn phí công đoàn	-	209.545.921
Bảo hiểm xã hội	932.038.775	762.212.000
Phải trả về cổ phần hóa	127.997.153	-
Doanh thu chưa thực hiện	235.885.000	-
Cổ tức phải trả	26.560.757.800	70.722.800
Phải trả phải nộp khác	8.384.780.787	6.571.520.678
	41.365.933.508	8.564.734.308

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền ký quỹ vỏ bình gas nhận được	51.205.060.948	49.398.221.368
	51.205.060.948	49.398.221.368

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

	Năm 2010
	VND
Tại ngày 01/01/2010	49.398.221.368
Tăng lên trong kỳ	3.989.252.332
Kết chuyển vào doanh thu (*)	2.182.412.752
Tại ngày 30/06/2010	51.205.060.948

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21/6/2005 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng. Từ ngày 01/7/2009, việc kết chuyển sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Biến động vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2010	264.998.230.000	129.164.270.000	(49.700.000)	92.918.876.291	8.257.000.000	43.353.386.564	538.642.062.855
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	24.627.479.363	24.627.479.363
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	6.583.760.679	2.000.000.000	(16.856.912.823)	(8.273.152.144)
Trả cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(26.496.470.000)	(26.496.470.000)
Tại 30/06/2010	264.998.230.000	129.164.270.000	(49.700.000)	99.502.636.970	10.257.000.000	24.627.483.104	528.499.920.074

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	30/06/2010 VND
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	52.36%	138.761.420.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47.64%	126.236.810.000
	100.00%	264.998.230.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28/4/2010, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2009 là 16%. Trong năm 2009, Công ty đã thông báo tạm ứng cổ tức đợt 1 là 14.998.236.000 VND (tỷ lệ 6%) và thanh toán bằng tiền mặt. Việc thanh toán đợt 2 sẽ được thực hiện trong năm 2010 với giá trị 26.496.470.000 VND (tỷ lệ 10%) và bằng cổ phiếu. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận số tiền cổ tức đợt 2 phải trả trên Tài khoản 338 - Phải trả phải nộp khác.

d. Số cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30/6/2010 là 26.499.823 cổ phần, trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.117.352.671.959	650.145.367.909
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.544.899.605	11.970.680.523
	1.120.897.571.564	662.116.048.432
Trong đó		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con) (*)	613.291.217.316	359.085.608.347
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	507.606.354.248	303.030.440.085
	1.120.897.571.564	662.116.048.432

(*) Công ty ghi nhận phần lãi công nợ phải thu vượt định mức đối với các công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn vào khoản mục “Doanh thu nội bộ” với số tiền là 2.607.733.046 VND thay vì ghi nhận vào khoản mục “Doanh thu hoạt động tài chính”. Việc ghi nhận này mặc dù chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác” nhưng không ảnh hưởng đến chỉ tiêu “Lợi nhuận kế toán trước thuế” của Công ty trong kỳ và nhất quán với quy chế nội bộ của Công ty. Theo quy chế nội bộ này, các công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn không có chức năng đi vay.

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.032.367.552.570	583.243.873.292
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.550.137.738	7.090.109.241
	1.034.917.690.308	590.333.982.533
Trong đó		
Giá vốn nội bộ (giao dịch với các công ty con)	613.291.217.316	359.085.608.347
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	421.626.472.992	231.248.374.186
	1.034.917.690.308	590.333.982.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	452.136.112	849.230.720
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.565.610.751	18.491.159.801
Lãi chênh lệch tỷ giá	293.413.595	960.984.258
Doanh thu hoạt động tài chính khác	461.194.290	1.725.214.520
	19.772.354.748	22.026.589.299

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.353.466.180	2.223.329.171
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	972.455.292	3.319.302.445
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.927.745.969	1.036.667.889
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.419.625.900)	(4.713.459.603)
Chi phí hoạt động tài chính khác	275.418.280	140.275.710
	9.109.459.821	2.006.115.612

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	1.331.095.901	-
Thu nhập khác	2.299.462.599	35.163.850
	3.630.558.500	35.163.850

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	1.331.095.901	-
Chi phí khác	1.723.699.473	525.233.446
	3.054.795.374	525.233.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	25.569.249.388	34.189.152.647
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(18.565.610.751)	(20.111.345.384)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	243.221.711	936.128.228
Thu nhập chịu thuế	7.246.860.348	15.013.935.491
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động khác	287.299.852	-
Thu nhập từ hoạt động chính	6.959.560.496	15.013.935.491
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	1.811.715.087	3.753.483.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	869.945.062	1.876.741.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	941.770.025	1.876.741.936

(*) Công ty niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán từ năm 2006. Theo quy định tại Công văn số 10997 CV/BTC-CST ngày 18/9/2006 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm (2009 và 2010) tính từ khi kết thúc thời hạn được miễn, giảm thuế.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa được kiểm toán hoặc soát xét và chỉ được trình bày cho mục đích tham khảo.
